TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 12 – 02 – 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Sơn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Đình C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Đình C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (nay là xã Triệu Bình, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 27/02/2002. Trong quá trình chung sống ông C và bà H thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn. Ông C và bà H đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài việc chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Trương Đình C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Trương Đình C được ly hôn với bà Lê Thị Thu Hà.

Về con chung: Ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu Hcó 02 con chung là Trương Thị Diễm C, sinh ngày 13/4/1998 và Trương Đình T, sinh ngày 06/3/2009. Đối với con chung Trương Thị Diễm C đã trên 18 tuổi nên ông C không yêu cầu

Tòa án giải quyết; đối với con chung Trương Đình T, sinh ngày 06/3/2009 ông C yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho ông C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Đình T cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Trương Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu Hđăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Hoà, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (nay là xã Triệu Bình, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 27/02/2002). Trong quá trình chung sống ông Cvà bà H thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn. Ông C và bà H đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H thì bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Bà Lê Thị Thu H và ông Trương Đình C có 02 con chung là Trương Thị Diễm C, sinh ngày 13/4/1998 và Trương Đình T, sinh ngày 06/3/2009. Đối với con chung Trương Thị Diễm C đã trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con chung Trương Đình T, sinh ngày 06/3/2009 bà H đồng ý giao cho ông C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Đình T cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu H yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 463, tờ bản đồ số 12, diện tích 2919m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 486078 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/5/2017 và tài sản trên đất. Quá trình giải quyết bà H đã rút yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 5 Điều 157, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình C đối với bà Lê Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đình C được ly hôn với bà Lê Thị Thu H. Về con chung: Giao cháu Trương Đình T, sinh ngày 06/3/2009 cho ông Trương Đình C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với con chung Trương Thị Diễm C, sinh ngày 13/4/1998 đã trên 18 tuổi và ông C, bà H đều không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu H đều không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Trương Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H đã rút yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 463, tờ bản đồ số 12, diện tích 2919m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 486078 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/5/2017 và tài sản trên đất, nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Thu H.

Về án phí: Ông Trương Đình C phải chịu số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* mà ông Trương Đình C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003009 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu H số tiền 8.750.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003154 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị Thu H phải chịu số tiền 4.253.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, được trừ vào số tiền 4.253.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Hoà, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (nay là xã Triệu Bình, tỉnh Quảng Trị). Trong quá trình chung sống giữa ông C và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện nay ông Chiến, bà H đã sống ly thân. Ông Trương Đình C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với bà Lê Thị Thu H, tranh chấp nuôi con với bà Lê Thị Thu H. Bà Lê Thị Thu H yêu cầu phản tố chia tài sản chung, nên quan hệ tranh chấp tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ky hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nơi cư trú của bị đơn bà Lê Thị Thu H tại thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân khu vực 7 – Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Đình C và bị đơn bà Lê Thị Thu H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt ông C và bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đình C:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Hoà, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (nay là xã Triệu Bình, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 27/02/2002 trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa ông Chiến, bà H thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ông C và bà H đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, nên có đủ căn cứ xác định ông C và bà H đã không còn chung sống với nhau một thời gian, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của ông C và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu Hcó 02 con chung là Trương Thị Diễm C, sinh ngày 13/4/1998 và Trương Đình T, sinh ngày 06/3/2009. Ông Trương Đình C yêu cầu giải quyết giao con chung Trương Đình T cho ông Trương Đình C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay ông Trương Đình C đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Đình T. Bà Lê Thị Thu H cũng đồng ý giao con chung Trương Đình T cho ông Trương Đình C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 18 tuổi. Nguyện vọng của con chung Trương Đình T xin được ở với ông Trương Đình C. Do đó, để bảo đảm sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần cũng như sự ổn định về nơi sinh sống của con chung Trương Đình T, cần chấp nhận yêu cầu của ông Trương Đình C, giao con chung Trương Đình T, sinh ngày 06/3/2009 cho ông Trương Đình C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về con chung Trương Thị Diễm C, sinh ngày 13/4/1998 đã trên 18 tuổi và ông C, bà H đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu Hđều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Trương Đình C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Quá trình giải quyết bà Lê Thị Thu H rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 463, tờ bản đồ số 12, diện tích 2919m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 486078 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/5/2017 và tài sản trên đất, việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bà H là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Thu H đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đình C đối với bị đơn bà Lê Thị Thu H; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Thu H đã rút.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương Đình C phải chịu số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* mà ông Trương Đình C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003009 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu H số tiền 8.750.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003154 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị Thu H phải chịu số tiền 4.253.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, được trừ vào số tiền 4.253.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 5 Điều 157, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình C đối với bà Lê Thị Thu H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đình C được ly hôn với bà Lê Thị Thu H.

1.2. Về con chung: Giao con chung Trương Đình T, sinh ngày 06/3/2009 cho ông Trương Đình C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Trương Đình T đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu H đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Việc thực hiện, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được quy định tại các điều 107, 110, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Thu Hvề việc chia theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 463, tờ bản đồ số 12, diện tích 2919m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 486078 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/5/2017 và tài sản trên đất.

2. Về án phí: Ông Trương Đình C phải chịu số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* mà ông Trương Đình C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003009 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu H số tiền 8.750.000đ *(tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003154 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị Thu H phải chịu số tiền 4.253.000đ *(bốn triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, được trừ vào số tiền 4.253.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- UBND xã Triệu Bình, tỉnh Quảng Trị (trước đây là UBND xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị) (đăng ký số: 43, quyển số: 01/2002, ngày 27/2/2002).
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Xuân Diệu